TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2026/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 3 năm 2026
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - AN GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thi.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thiện Pháp và bà Nguyễn Thị Ngọc Hà.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – An Giang tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Thùy An – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 442/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc " Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị T**, sinh ngày 01/01/1981;
Căn cước công dân số: 089181015092
Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông **Trần Anh K**, sinh ngày 17/9/1983;
Căn cước công dân số: 089083019459
Địa chỉ: Ấp M, xã Đ, tỉnh An Giang.

(Bà T có mặt, ông K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa; nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:***

Bà và ông Trần Anh K tự tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống với nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi, làm cho

hôn nhân không còn hạnh phúc. Từ năm 2023 bà và ông K đã sống ly thân cho đến nay. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông K.

Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Văn K1, sinh ngày 12/7/2004; Trần Thị Thúy N, sinh ngày 28/5/2006; Trần Anh M, sinh ngày 30/11/2019. Hiện cháu K1 và cháu N đã thành niên và có khả năng lao động được, cháu M đang sống với ông K. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu ông K trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, bà không cấp dưỡng cho cháu M.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

**** Đối với bị đơn ông Trần Anh K*:**

Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, đồng thời triệu tập ông K tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp lời khai cho Tòa án.

Tại phiên tòa;

Nguyên đơn bà T có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông K vắng mặt không có lý do.

* **Ý kiến của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa**:

- Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, cho bà T được ly hôn với ông K; về con chung, giao con chung tên Trần Anh M, sinh ngày 30/11/2019 cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng; bà T không phải cấp dưỡng cho con do ông K không yêu cầu; về tài sản chung, nợ chung là không đặt ra xem xét; buộc bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình; bị đơn có địa chỉ tại xã Đ, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm

b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà T, ông K là hôn nhân hợp pháp, ông bà chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Đ, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/7/2014. Trong quá trình chung sống, hôn nhân của ông bà không còn hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống nên ông bà đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông K. Xét thấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa bà T, ông K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, cho bà T được ly hôn với ông K là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Văn K1, sinh ngày 12/7/2004; Trần Thị Thúy N, sinh ngày 28/5/2006; Trần Anh M, sinh ngày 30/11/2019. Hiện cháu K1 và cháu N đã thành niên và có khả năng lao động được, cháu M đang sống với ông K. Xét thấy, từ năm 2023 đến nay cháu M đang sống với ông K, để ổn định cuộc sống cho cháu M; Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu M cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] Cấp dưỡng cho con: Bà T không cấp dưỡng cho cháu M do ông K không yêu cầu; Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.5] Về nợ chung: Bà T xác định, bà và ông K không có nợ chung; Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - An Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều: 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Huỳnh Thị T được ly hôn với ông Trần Anh K.

2. *Về nuôi con chung*: Ông Trần Văn K2 trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Anh M, sinh ngày 30/11/2019. Hiện ông K2 đang nuôi cháu M.

Bà Huỳnh Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Bà Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011652 ngày 15/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, bà T đã nộp xong án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: Bà Huỳnh Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Trần Văn K2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 10 - An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Định Mỹ;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Dương Thị Bé Thi